

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 552/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 09 - 2024
“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Sức
- Ông Võ Văn Tám

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Thy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:* Ông Lưu Tiến Dũng – kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 362/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa: 246/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Dư Thị L**, sinh năm 1972; địa chỉ: **số C tổ A ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang** (có yêu cầu vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1974; địa chỉ: **số C tổ A ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang** (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà **Dư Thị L** trình bày:

Bà **Dur Thị L** với ông **Nguyễn Văn P** do mai mối và đi đến hôn nhân vào năm 1993, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện P, tỉnh An Giang** vào năm 1993. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, ông **P** thường xuyên sử dụng rượu bia, phá tán tài sản, gia đình đã bán hết tài sản trả nợ cho ông **P** nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau, giữa bà **L** với ông **P** không sống chung từ năm 2020 cho đến nay, các bên không còn liên lạc với nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà **L** yêu cầu ly hôn với ông **P**.

- Về con chung: Có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Trà M**, sinh ngày 25/07/1997 và **Nguyễn Thị Trà N**, sinh ngày 08/01/2000 (các con chung đều đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông **Nguyễn Văn P** đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập bị đơn đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

- Đối với nguyên đơn: bà **Dur Thị Liên t** khi thụ lý vụ án, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Đối với bị đơn: ông **Nguyễn Văn P** từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Dur Thị L** đối với ông **Nguyễn Văn P**; về con chung: có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Trà M**, sinh ngày 25/07/1997 và **Nguyễn Thị Trà N**, sinh ngày 08/01/2000 (các con chung đều đã trưởng thành), nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà **Dư Thị L** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Nguyễn Văn P** nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông **Nguyễn Văn P** với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại **huyện P, tỉnh An Giang** nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn ông **Nguyễn Văn P** không đến tham gia phiên Tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông **P** không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **P**.

Bà **Dư Thị L** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của nguyên đơn không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **L**.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà **Dư Thị L** với ông **Nguyễn Văn P** là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng về quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên giữa bà **L** với ông **P** không còn sống chung từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà **L** với ông **P** mâu thuẫn là có thật, hai bên đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Vì vậy, bà **L** có yêu cầu ly hôn ông **P** là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Trà M**, sinh ngày 25/07/1997 và **Nguyễn Thị Trà N**, sinh ngày 08/01/2000 (các con chung đều đã trưởng thành), nên Hội đồng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà **Dur Thị L** được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà **Dur Thị L**, bà **Dur Thị L** được ly hôn ông **Nguyễn Văn P**.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Trà M**, sinh ngày 25/07/1997 và **Nguyễn Thị Trà N**, sinh ngày 08/01/2000 (các con chung đều đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: bà **Dur Thị L** phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006971, ngày 29/05/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HSVA.

Trần Ngọc Diệu